

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 306/2024/DS-PT

Ngày: 03-6-2024

V/v tranh chấp "Hợp đồng
dân sự mượn tài sản"

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vân.

Các Thẩm phán:

Ông Mai Hoàng Khải;

Ông Huỳnh Việt Trung.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Khanh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:** Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 6 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp "Hợp đồng dân sự mượn tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2024/DS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 233/2024/QĐ-PT ngày 16 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: tổ E, ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. **Bị đơn:** Bà Trần Thị Tuyết L, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: số B, tổ C, ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Trần Kim Q, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: tổ E, ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Chị Lý Thị Ngọc T1, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. **Người kháng cáo:** Bị đơn Trần Thị Tuyết L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Ông và bà L là bà con cô cậu ruột, ngày 30/9/2019 âm lịch ông cho bà L mượn 10 chỉ vàng 24 Kr, bà L có viết biên nhận làm tin, thời hạn trả là ngày 30/8/2023 âm lịch. Đến hạn ông đến nhà bà L đòi nhưng bà L không trả. Ông yêu cầu bà L trả 10 chỉ vàng 24Kr.

** Bị đơn bà Trần Thị Tuyết L trình bày:*

Bà không nhớ chính xác thời gian ngày 19/10/2018 hoặc 19/10/2019 bà có mượn ông T 05 chỉ vàng 24 Kr, ngày 23/10 mượn thêm 03 chỉ vàng 24 Kr. Lãi mỗi tháng 2.000.000đồng, bà đăng lãi đầy đủ, không làm biên nhận. Sau đó bà trả được 02 chỉ vàng 24 Kr, qua dịch covid trả thêm 02 chỉ vàng 24Kr, còn lại 04 chỉ vàng 24 Kr do dịch bệnh bà không có tiền đóng lãi, sau khi hết dịch ông T cộng lãi lên thành 02 chỉ vàng 24 Kr. Tổng cộng là 06 chỉ vàng 24Kr, lãi 3.000.000đồng/ tháng. Do bà không có tiền trả lãi cũng như trả vàng nên ông T buộc bà viết biên nhận mượn 10 chỉ vàng 24 Kr. Khi bà trả 02 chỉ vàng cho ông T bà đưa cho con dâu là Lý Thị Ngọc T1 trả cho ông T. Bà chỉ đồng ý trả ông T 04 chỉ vàng 24 Kr, mỗi tháng trả 0,5 chỉ vàng 24 Kr.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Kim Q trình bày:*

Số vàng cho bà L mượn là tài sản chung vợ chồng bà nhưng bà để cho ông T đứng ra cho bà L mượn. Bà thống nhất với lời trình bày ông T, đồng ý để ông T khởi kiện bà L với tư cách cá nhân.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lý Thị Ngọc T1 trình bày:*

Chị là con dâu bà L, chị không nhớ thời gian chỉ biết sau dịch covid mẹ chồng đưa chị 02 chỉ vàng 24 Kr kêu đem qua nhà trả cho vợ ông T, khi trả không làm biên nhận, không người làm chứng. Lần sau không nhớ thời gian chị chở bà L đến nhà ông T, chị thấy bà L trả cho ông T 02 chỉ vàng 24 Kr, không làm biên nhận.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2024/DSST ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 494, 496 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/NQ- UBTWQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Buộc bà Trần Thị Tuyết L phải trả cho ông Nguyễn Văn T 10 chỉ vàng 24Kr.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, giải thích về quyền thỏa thuận thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11 tháng 3 năm 2024, bị đơn Trần Thị Tuyết L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Tuyết L trả cho ông 10 chỉ vàng 24 K đã mượn.

- Người kháng cáo bà Trần Thị Tuyết L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng buộc bà chỉ trả cho ông T 05 chỉ vàng 24 Kr.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự qui định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bà Trần Thị Tuyết L kháng cáo nhưng không có cung cấp thêm chứng cứ mới nào để xem xét nên không chấp nhận. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 46/2024/DSST ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: nguyên đơn ông Nguyễn Văn T yêu cầu bà Trần Thị Tuyết L trả cho ông 1 chỉ vàng 24 K đã mượn nên án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng mượn tài sản” là có căn cứ đúng qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn T với bị đơn bà Trần Thị Tuyết L là đúng thẩm quyền qui định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị Tuyết L là đúng qui định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Tuyết L Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Theo biên nhận nợ ngày 30/9/2019 do nguyên đơn cung cấp thì bà L thừa nhận “hôm nay tôi có mượn vợ chồng anh 10 Tới số vàng 01 cây vàng 24 Kr năm 2019 nhằm ngày 30/9/2019...” (bút lục 16). Bà cũng thừa nhận nội dung biên nhận này do bà viết và ký tên. Tuy nhiên bà cho rằng do ông T đọc và ép bà viết nhưng bà lại không có chứng cứ nào để chứng minh và cũng không hề có phản ứng đi báo cho cơ quan chức năng sau khi viết.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bà luôn xác định có đóng lãi và trả gốc cho ông T 04 chỉ vàng 24 Kr vào thời điểm trước khi viết biên nhận nợ và trước khi có dịch Covid (bút lục 49). Tuy nhiên sau đó khi viết biên nhận nợ bà lại vẫn đồng ý có mượn vợ chồng anh 10 Tới 01 cây vàng. Bà cho rằng do bị ông T đe dọa nên sợ phải viết còn nợ 01 cây vàng nhưng không có gì chứng minh.

- Bà cho rằng có nhờ con dâu tên Lý Thị Ngọc T1 đóng lãi và đem vàng đi trả. Tại phiên tòa chỉ T1 xác định thời điểm trả là ngày 20/6/2022 và ngày 21/7 trả tiếp 02 chỉ (bl 49). Tuy nhiên bà L lại khai nhận trả trước khi phát sinh dịch bệnh là mâu thuẫn vì dịch bệnh bùng phát vào năm 2020.

Như vậy, bà L viết biên nhận thừa nhận có mượn ông T 1 cây vàng 24 Kr. Bà khai đã trả được 04 chỉ vàng không được phía nguyên đơn thừa nhận nhưng bà lại không có chứng cứ chứng minh. Do đó cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu nguyên đơn là có căn cứ. Kháng cáo của bà L là không có căn cứ nên bác.

[5] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí: bà L phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 466; Điều 468 BLDS 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Tuyết L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 46/2024/DSST ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Buộc bà Trần Thị Tuyết L trả cho ông Nguyễn Văn T 10 chỉ vàng 24 Kr. Thời hạn trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí:

- Bà Trần Thị Tuyết L phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0015096 ngày 18/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè. Bà L đã nộp xong án phí phúc thẩm.

- Bà Trần Thị Tuyết L phải chịu 3.210.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- H lại ông Nguyễn Văn T 1.450.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013242 ngày 06/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Vân